

## RESULTS OF SOME INTERVENTIONS TO PROTECT AND IMPROVE THE HEALTH OF FEMALE WORKERS AT TWO INDUSTRIAL GARMENT COMPANIES IN THAI BINH CITY, THAI BINH PROVINCE

Dang Thi Van Quy<sup>1\*</sup>, Nguyen Dang Vung<sup>2</sup>, Ngo Thi Nhu<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Thai Binh University of Medicine and Pharmacy - 373 Ly Bon, Thai Binh City, Thai Binh Province, Vietnam

<sup>2</sup>School of Preventive Medicine and Public Health, Hanoi Medical University -

1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 01/10/2024

Revised: 15/10/2024; Accepted: 23/10/2024

### ABSTRACT

**Objective:** To evaluate the results of some interventions to protect and improve the health of female workers at two industrial garment companies in Thai Binh city.

**Research subjects and methods:** The study was conducted with two research designs suitable for two phases including a descriptive epidemiological study through a cross-sectional survey and a controlled community intervention study on female workers at two industrial garment companies.

**Results:** The rate of female workers with good general knowledge before the intervention was 28.2% and after the intervention was 75.1%. The intervention effect on general knowledge of workers in both intervention and non-intervention groups was 166.3%. The rate of workers with good general practice before the intervention was 9.8% and after the intervention increased by 25.1%. The intervention effect on good general practice of workers in both intervention and non-intervention groups was 156.1%. After the intervention, the rate of cardiovascular disease decreased by 58.1%, the rates of skin diseases decreased by 75.9%; musculoskeletal diseases by 35.0% and ear, nose and throat diseases by 33.0%. The rate of workers with health classification level I before the intervention was 7.6% and after the intervention increased by 25.6%. The intervention effect on health classification level I in female workers in the intervention and control groups was 180.3%.

**Conclusions:** After the intervention, the knowledge and practice of occupational safety and hygiene among female workers were improved. The rate of disease after the intervention decreased and the number of female workers with health classification level I increased. Therefore, it is necessary to regularly train and test the knowledge and practice of occupational safety and hygiene of female workers.

**Keywords:** Occupational safety and hygiene, industrial garment workers.

---

\*Corresponding author

**Email:** vanquyytb@gmail.com **Phone:** (+84) 912105287 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v65i6.1687**

# KẾT QUẢ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CAN THIỆP NHẪM BẢO VỆ VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE CỦA NỮ CÔNG NHÂN TẠI HAI CÔNG TY MAY CÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Đặng Thị Vân Quý<sup>1\*</sup>, Nguyễn Đăng Vững<sup>2</sup>, Ngô Thị Nhu<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Thái Bình - 373 Lý Bôn, Tp. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

<sup>2</sup>Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 01/10/2024

Chỉnh sửa ngày: 15/10/2024; Ngày duyệt đăng: 23/10/2024

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá kết quả của một số giải pháp can thiệp nhằm bảo vệ, nâng cao sức khỏe của nữ công nhân tại hai công ty may công nghiệp ở thành phố Thái Bình.

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Đề tài thực hiện với hai thiết kế nghiên cứu phù hợp với hai giai đoạn gồm nghiên cứu dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang và nghiên cứu can thiệp cộng đồng có đối chứng. Nữ công nhân tại 2 công ty may công nghiệp.

**Kết quả:** Tỷ lệ nữ công nhân có kiến thức chung tốt trước can thiệp là 28,2% và sau can thiệp là 75,1%. Hiệu quả can thiệp về kiến thức chung tốt của nữ công nhân nhóm can thiệp và không can thiệp đạt 166,3%. Tỷ lệ nữ công nhân có thực hành chung tốt trước can thiệp là 9,8% và sau can thiệp tăng thêm 25,1%. Hiệu quả can thiệp về kiến thức chung tốt của nữ công nhân nhóm can thiệp và không can thiệp đạt 156,1%. Sau can thiệp tỷ lệ bệnh tim mạch giảm chỉ số hiệu quả 58,1%, các bệnh da là 75,9%, cơ xương khớp là 35,0% và tai mũi họng là 33,0%. Tỷ lệ công nhân có sức khỏe loại I trước can thiệp là 7,6% và sau can thiệp tăng lên 25,6%. Hiệu quả can thiệp về sức khỏe loại I ở nữ công nhân nhóm can thiệp và nhóm chứng là 180,3%.

**Kết luận:** Sau can thiệp, kiến thức và thực hành an toàn vệ sinh lao động của nữ công nhân được nâng lên. Tỷ lệ bệnh sau can thiệp giảm và nữ công nhân có sức khỏe loại I tăng. Do đó cần thường xuyên tập huấn và kiểm tra kiến thức thực hành an toàn vệ sinh lao động của nữ công nhân định kỳ hàng năm.

**Từ khóa:** An toàn vệ sinh lao động, công nhân may công nghiệp.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gần đây đã có nhiều nghiên cứu đưa ra những giải pháp nhằm bảo vệ sức khỏe của người lao động ngành may công nghiệp như các giải pháp cải thiện kỹ thuật, các biện pháp giảm thiểu yếu tố có hại trong môi trường lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân... [1], [2]. Tuy nhiên, công tác truyền thông, tập huấn an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) chưa được quan tâm đúng mức về tài liệu, phương pháp và thời lượng tập huấn.

Nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức trách nhiệm tham gia bảo đảm ATVSLĐ tại cơ sở may công nghiệp cần đưa ra các giải pháp nâng cao kiến thức của công nhân trong các nhà máy xí nghiệp, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu đánh giá kết quả của một số giải pháp can thiệp nhằm bảo vệ, nâng cao sức khỏe của nữ công nhân tại hai công ty may công nghiệp ở thành phố Thái Bình.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- **Đối tượng:** Nữ công nhân tại 2 công ty may công nghiệp

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:**

+ Nữ công nhân có thời gian làm việc tại công ty may ít nhất 12 tháng.

+ Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Địa điểm:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) may Hưng Nhân, Khu Công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình và Công ty TNHH may Hualida, Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình.

- **Thời gian nghiên cứu:** từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2022.

\*Tác giả liên hệ

Email: vanquyytb@gmail.com Điện thoại: (+84) 912105287 <https://doi.org/10.52163/yhc.v65i6.1687>



## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Thiết kế nghiên cứu:* đề tài thực hiện với hai thiết kế nghiên cứu phù hợp với hai giai đoạn gồm nghiên cứu dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang và nghiên cứu can thiệp cộng đồng có đối chứng.

- Công thức tính cỡ mẫu khám và điều tra kiến thức, thực hành về ATVSLĐ:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- n là cỡ mẫu nghiên cứu.

- Z là độ tin cậy lấy ở ngưỡng xác suất  $\alpha = 0,05$ , tra bảng ta được  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ .

- p là tỷ lệ công nhân đau mỗi lưng,  $p = 52,3\%$  ( $p = 0,52$ ) [3].

- d là sai số ước lượng, chọn  $d = 0,035$ .

Cỡ mẫu tính được là  $n = 783$ . Trên thực tế đã khảo sát 832 công nhân tại 2 công ty, bao gồm 408 công nhân tại Công ty TNHH may Hưng Nhân và 424 công nhân tại Công ty TNHH may Hualida.

- Công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu can thiệp

$$n_1 = n_2 = \frac{\{z_{1-\alpha/2}\sqrt{2\bar{P}(1-\bar{P})} + z_{1-\beta}\sqrt{P_1(1-P_1) + P_2(1-P_2)}\}^2}{(P_1 - P_2)^2}$$

Trong đó:

-  $\bar{P} = (P_1 + P_2)/2$ .

-  $n_1, n_2$  là cỡ mẫu tối thiểu.

-  $P_1$  là kết quả giả định ở nhóm so sánh 50% nữ công nhân có kiến thức tốt trở lên.

-  $P_2$  là kết quả giả định ở nhóm can thiệp với 65% nữ công nhân có kiến thức tốt trở lên.

-  $\alpha = 0,05$  là sai lầm loại 1,  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ .

-  $\beta = 0,01$  là sai lầm loại 2,  $Z_{1-\beta} = 2,33$ .

Cỡ mẫu  $n_1 = n_2 = 395$  người. Thực tế điều tra tại Công ty TNHH may Hưng Nhân (can thiệp) là 406 người và tại Công ty may Hualida (nhóm đối chứng) là 410 người.

- *Chọn mẫu:* chọn chủ định 2 công ty. Chọn mẫu đối tượng nghiên cứu dựa trên sự đồng nhất là đối tượng cùng làm việc trong một nhà xưởng và bảo đảm 2 tiêu chí lựa chọn cho đến khi đủ số mẫu tại mỗi công ty.

- *Biến số nghiên cứu bao gồm:* thông tin chung, kiến thức, thực hành ATVSLĐ, thông tin về sức khỏe, biến thay đổi kiến thức thực hành về bảo đảm ATVSLĐ, các biến nâng cao sức khỏe.

- *Quy trình tiến hành nghiên cứu:* liên hệ với 2 công ty được chọn nghiên cứu. Tiến hành khám và phỏng vấn

trước can thiệp, tiến hành các biện pháp can thiệp, sau đó triển khai khám và phỏng vấn sau can thiệp.

- *Tiêu chuẩn đánh giá:* kiến thức về ATVSLĐ mỗi ý trả lời được tính 1 điểm, tổng là 39 điểm. Chúng tôi đề xuất điểm kiến thức tốt được tính bằng  $\geq 70\%$  số điểm tối đa; vậy điểm đạt về kiến thức câu này là 28/39 điểm. Thực hành về ATVSLĐ mỗi ý trả lời đúng được tính 1 điểm, tổng là 18 điểm. Chúng tôi đề xuất điểm thực hành tốt được tính bằng  $\geq 70\%$  số điểm tối đa; vậy điểm đạt về kiến thức câu này là 13/18 điểm. Phân loại sức khỏe: loại I (rất tốt), loại II (tốt), loại III (trung bình), loại IV (yếu), loại V (rất yếu) [4].

- *Phương pháp xử lý số liệu*

+ Số liệu định lượng được nhập, quản lý và phân tích bằng phần mềm EPI-DATA và SPSS 20.0.

+ Sử dụng chỉ số hiệu quả (CSHQ) để đánh giá hiệu quả can thiệp (HQCT) về kiến thức, thực hành bảo đảm ATVSLĐ.

$CSHQ_{nc} = |Anc - Bnc|/Anc (\%)$

$CSHQ_{đc} = |Ađc - Bđc|/Ađc (\%)$

$HQCT (\%) = CSQ_{nc} - CSQ_{đc}$

Trong đó:

- A là giá trị trước can thiệp.

- B là giá trị sau can thiệp.

- nc: nghiên cứu.

- đc: đối chứng.

## 2.3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự chấp thuận của nữ công nhân tham gia nghiên cứu và Ban lãnh đạo các Công ty TNHH may Hưng Nhân và Công ty TNHH may Hualida.

Các đối tượng tham gia vào nghiên cứu được giải thích rõ ràng về mục đích của nghiên cứu và tự nguyện tham gia vào nghiên cứu.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Nữ công nhân có kiến thức tốt về ATVSLĐ tại nơi làm việc trước và sau can thiệp**

Kiến thức tốt	Nhóm can thiệp		Nhóm chứng		HQCT
	Trước can thiệp (n = 408)	Sau can thiệp (n = 406)	Trước can thiệp (n = 424)	Sau can thiệp (n = 410)	
Phương tiện bảo vệ cá nhân	169 (41,4%)	220 (54,2%)	6 (1,4%)	6 (1,5%)	23,8%
CSHQ	30,9%		7,1%		

Kiến thức tốt	Nhóm can thiệp		Nhóm chứng		HQCT
	Trước can thiệp (n = 408)	Sau can thiệp (n = 406)	Trước can thiệp (n = 424)	Sau can thiệp (n = 410)	
Các yếu tố nguy hại	133 (32,6%)	262 (64,5%)	9 (2,1%)	11 (2,7%)	69,3%
CSHQ	97,9%		28,6%		
Bảo đảm ATVSLĐ	162 (39,7%)	344 (84,7%)	1 (0,2%)	1 (0,2%)	113,4%
CSHQ	113,4%		0%		
Các bệnh liên quan	113 (27,7%)	388 (95,6%)	15 (3,5%)	28 (6,8%)	150,8%
CSHQ	245,1%		94,3%		
Phòng bệnh liên quan	177 (43,4%)	360 (88,7%)	65 (15,3%)	97 (23,7%)	49,5%
CSHQ	104,4%		54,9%		
Kiến thức tốt	114 (27,9%)	308 (75,9%)	2 (0,5%)	3 (0,7%)	132,0%
CSHQ	172,0%		40,0%		

Bảng trên cho thấy phân tích đánh giá đối với kiến thức về ATVSLĐ, các yếu tố nguy hại và quy định sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân tại doanh nghiệp của nữ công nhân trước và sau can thiệp ở địa điểm can thiệp cho thấy sau can thiệp thì tỷ lệ nữ công nhân có kiến thức tốt trở lên về các yếu tố nguy hại tăng trên 30% so với trước can thiệp và hiệu quả can thiệp là 69,3%. Tương tự đối với ATVSLĐ nữ công nhân có kiến thức tốt có hiệu quả can thiệp 113,4%. Kiến thức của nữ công nhân về các bệnh liên quan đến nghề nghiệp và phòng bệnh liên quan đến nghề nghiệp có hiệu quả can thiệp 103,1% và 49,9%. Xét chung về kiến thức tốt của nữ công nhân nhóm can thiệp tăng hơn 50% với hiệu quả can thiệp 132,0%.

**Bảng 2. Nữ công nhân có thực hành tốt về ATVSLĐ tại nơi làm việc trước và sau can thiệp**

Thực hành tốt	Nhóm can thiệp		Nhóm chứng		HQCT
	Trước can thiệp (n = 408)	Sau can thiệp (n = 406)	Trước can thiệp (n = 424)	Sau can thiệp (n = 410)	
Phương tiện bảo vệ cá nhân	35 (8,6%)	104 (25,6%)	0	0	197,7%
CSHQ	197,7%		0%		
Bảo đảm ATVSLĐ	62 (15,2%)	115 (28,3%)	3 (0,7%)	3 (0,7%)	86,2%
CSHQ	86,2%		0%		

Thực hành tốt	Nhóm can thiệp		Nhóm chứng		HQCT
	Trước can thiệp (n = 408)	Sau can thiệp (n = 406)	Trước can thiệp (n = 424)	Sau can thiệp (n = 410)	
Phòng bệnh liên quan	84 (20,6%)	123 (30,3%)	2 (0,5%)	2 (0,5%)	47,1%
CSHQ	47,1%		0%		
Thực hành tốt	38 (9,3%)	102 (25,1%)		1 (0,2%)	169,9%
CSHQ	169,9%		0%		

Số liệu bảng trên phân tích thực hành của nữ công nhân về thực hiện tốt phương tiện bảo vệ cá nhân trước và sau can thiệp ở địa điểm can thiệp cho thấy tỷ lệ nữ công nhân trả lời có thực hành tốt tăng so với trước can thiệp. Nhóm thực hành đúng có hiệu quả can thiệp là 197,7%. Hiệu quả can thiệp nhóm nữ công nhân có thực hành tốt các yêu cầu ATVSLĐ là 169,9%.

**Bảng 3. Tình hình bệnh của nữ công nhân trước và sau can thiệp**

Các yếu tố nguy hiểm	Nhóm can thiệp		Nhóm chứng		HQCT
	Trước can thiệp (n = 408)	Sau can thiệp (n = 406)	Trước can thiệp (n = 424)	Sau can thiệp (n = 410)	
Răng hàm mất	64 (15,7%)	74 (18,2%)	67 (15,8%)	70 (17,1%)	7,7%
CSHQ	15,9%		8,2%		
Tim mạch	43 (10,5%)	18 (4,4%)	43 (10,1%)	29 (7,1%)	7,4%
CSHQ	37,1%		29,7%		
Bệnh mắt	247 (60,5%)	221 (54,5%)	200 (47,1%)	204 (49,8%)	4,2%
CSHQ	9,9%		5,7%		
Tai mũi họng	112 (27,5%)	50 (12,3%)	106 (25,0%)	83 (20,2%)	36,1%
CSHQ	55,3%		19,2%		
Tiêu hóa	106 (26,0%)	85 (20,9%)	54 (12,7%)	45 (11,0%)	6,2%
CSHQ	19,6%		13,4%		
Cơ xương khớp	96 (23,5%)	52 (12,8%)	93 (21,9%)	81 (19,7%)	35,5%
CSHQ	45,5%		10,0%		
Các bệnh da	12 (2,9%)	3 (0,7%)	10 (2,4%)	10 (2,4%)	75,9%
CSHQ	75,9%		0%		
Ngoại khoa	86 (21,1%)	55 (13,5%)	100 (23,5%)	100 (24,4%)	32,2%
CSHQ	36,0%		3,8%		





Các yếu tố nguy hiểm	Nhóm can thiệp		Nhóm chứng		HQCT
	Trước can thiệp (n = 408)	Sau can thiệp (n = 406)	Trước can thiệp (n = 424)	Sau can thiệp (n = 410)	
Sản phụ khoa	168 (41,2%)	24 (5,9%)	192 (45,3%)	192 (46,8%)	82,4%
CSHQ	85,7%		3,3%		

Bảng trên cho thấy chỉ số hiệu quả can thiệp đối với nữ công nhân về tình hình mắc bệnh. Trong số đó có sự thay đổi ở các bệnh tai mũi họng, cơ xương khớp, các bệnh về da, các bệnh ngoại khoa và các bệnh sản phụ khoa đạt hiệu quả can thiệp từ 32,2-82,4%.

**Bảng 4. Phân loại sức khỏe của nữ công nhân trước và sau can thiệp**

Phân loại sức khỏe	Nhóm can thiệp		Nhóm chứng		HQCT
	Trước can thiệp (n = 408)	Sau can thiệp (n = 406)	Trước can thiệp (n = 424)	Sau can thiệp (n = 410)	
Loại I	31 (7,6%)	104 (25,6%)	10 (2,3%)	15 (3,6%)	180,3%
CSHQ	236,8%		56,5%		
Loại II	301 (73,8%)	227 (55,9%)	220 (51,8%)	240 (51,2%)	23,1%
CSHQ	24,3%		1,2%		
Loại III	75 (18,4%)	75 (18,5%)	191 (21,5%)	150 (47,6%)	-5,0%
CSHQ	0,5%		5,5%		
Loại IV	1 (0,2%)	0	3 (0,7%)	5 (1,2%)	28,6%
CSHQ	100%		71,4%		

Kết quả bảng trên cho thấy phân loại sức khỏe của nữ công nhân có sự thay đổi sau can thiệp. Đặc biệt là nữ công nhân có sức khỏe loại I ở Công ty TNHH may Hưng Nhân sau can thiệp tăng hơn 3 lần so với trước can thiệp và tăng 7 lần so với công ty đối chứng với hiệu quả can thiệp 180,3%.

#### 4. BÀN LUẬN

Qua quá trình can thiệp truyền thông nhằm nâng cao kiến thức và thực hành bảo đảm ATVSLĐ và tăng cường sức khỏe cho nữ công nhân tại các cơ sở sản xuất. Kết quả của chúng tôi cũng cho thấy tỷ lệ bệnh của nữ công nhân sau can thiệp có giảm với hiệu quả can thiệp từ 10-80%. Về phân loại sức khỏe cho thấy tỷ lệ nữ công nhân có sức khỏe loại I tăng lên rõ rệt với hiệu

quả can thiệp 180,3%.

Việc triển khai tập huấn, truyền thông giáo dục sức khỏe về ATVSLĐ là công việc định kỳ hàng năm ban lãnh đạo các doanh nghiệp cần phải thực hiện theo quy định, tuy nhiên trên thực tế vẫn còn nhiều doanh nghiệp thực hiện công việc này chưa đáp ứng được nhu cầu như chỉ phát trên loa cho có lệ mà không có thực hành để thu hút người lao động. Do đó, đây cũng có thể là nguyên nhân nữ công nhân có kiến thức và thực hành đúng về ATVSLĐ còn hạn chế. Qua kết quả phân tích so sánh giữa 2 nhóm nghiên cứu cho thấy, công nhân may ở địa điểm so sánh chưa được chú trọng đến việc truyền thông kiến thức hay hướng dẫn thực hành ATVSLĐ hàng năm cho nữ công nhân. Bởi vậy tỷ lệ nhóm nữ công nhân có kiến thức tốt hay thực hành đúng ATVSLĐ có sự thay đổi không đáng kể và tỷ lệ chỉ đạt ở ngưỡng rất thấp hoặc trung bình. So sánh trước can thiệp tỷ lệ nữ công nhân ở nhóm không can thiệp có kiến thức ngang bằng hoặc cao hơn nhóm can thiệp. Sau khi tiến hành can thiệp truyền thông, kiến thức và thực hành ATVSLĐ đánh giá tỷ lệ công nhân ở Công ty TNHH may Hưng Nhân có kiến thức tốt và thực hành đúng sau can thiệp tăng lên rõ rệt so với trước can thiệp.

Kết quả của chúng tôi tương đương với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Văn Văn và Nguyễn Thị Hoài Phương về áp dụng phương pháp huấn luyện sau can thiệp cho người lao động ở doanh nghiệp vừa và nhỏ về ATVSLĐ, sau can thiệp có sự thay đổi rõ rệt về tỷ lệ người lao động có kiến thức đúng, thực hành đúng ATVSLĐ tăng lên sau can thiệp [5]. Kết quả của chúng tôi cũng tương tự với kết quả nghiên cứu của Bùi Hoài Nam cho biết hiệu quả can thiệp đối với kiến thức về ATVSLĐ ở nữ công nhân được can thiệp đạt mức độ tốt hơn nhóm so sánh với chỉ số 301-750%. Kết quả thực hành đúng an toàn vệ sinh lao động ở công nhân được can thiệp cao hơn nhóm so sánh từ 22,5-472,3% [1].

Bena A và cộng sự cũng chỉ ra rằng tỷ lệ tai nạn lao động được giảm đáng kể sau can thiệp bằng chương trình đào tạo ATVSLĐ cơ bản cho người lao động, đây chính là kết quả thể hiện rõ hiệu quả của công tác huấn luyện cho nữ công nhân [6]. Nghiên cứu của Burke MJ và cộng sự cũng thấy mô hình đào tạo thay đổi kiến thức, hành vi và thực hành về ATVSLĐ hiệu quả cho nữ công nhân là sử dụng kết hợp giảng trực tiếp, đối thoại 2 chiều và kết hợp với tuyên truyền bằng tờ rơi, hình ảnh, poster [7].

#### 5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nữ công nhân có kiến thức chung tốt trước can thiệp là 28,2% và sau can thiệp là 75,1%. Hiệu quả can thiệp về kiến thức chung tốt của nữ công nhân nhóm can thiệp và không can thiệp đạt 166,3%.

Tỷ lệ nữ công nhân có thực hành chung tốt trước can thiệp là 9,8% và sau can thiệp tăng thêm 25,1%. Hiệu quả can thiệp về kiến thức chung tốt của nữ công nhân nhóm can thiệp và không can thiệp đạt 156,1%.

Sau can thiệp, tỷ lệ bệnh tim mạch giảm chỉ số hiệu quả 58,1%, các bệnh da là 75,9%, cơ xương khớp là 35,0% và tai mũi họng là 33,0%.

Tỷ lệ công nhân có sức khỏe loại I trước can thiệp là 7,6%, sau can thiệp tăng lên 25,6%. Hiệu quả can thiệp về sức khỏe loại I ở nữ công nhân nhóm can thiệp và nhóm chứng là 180,3%.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Hoài Nam, Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Thị Thùy Dương và cộng sự, Hiệu quả can thiệp nâng cao kiến thức, thực hành an toàn vệ sinh lao động cho nữ công nhân may tại Công ty TNHH Minh Anh năm 2014, Tạp chí Y học dự phòng, tập XXVI, số 13 (186), 2016, tr. 201.
- [2] Phạm Văn Dũng, Đào Văn Dũng, Phạm Văn Thao, Hiệu quả giải pháp can thiệp về chăm sóc sức khỏe cho người lao động tại một số doanh nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, Tạp chí Y học cộng đồng, số 35, tháng 11 + 12, 2016, tr. 20-24.
- [3] Bùi Hoài Nam, Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Thị Thùy Dương và cộng sự, Thực trạng và các yếu

tố ảnh hưởng tới sức khỏe của nữ công nhân may Công ty TNHH Minh Anh, Tạp chí Y học dự phòng, tập XXV, số 8 (168), 2015, số đặc biệt, tr. 508.

- [4] Bộ Y tế, Quyết định số 1613/BYT-QĐ về Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ cho người lao động, 2020.
- [5] Nguyễn Thị Văn Vãn, Nguyễn Thị Hoài Phương, Nghiên cứu tình hình vệ sinh lao động các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại xã An Phước, huyện Long Thành năm 2013, Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh, tập 18, số 6, 2014.
- [6] Bena A, Berchiolla P, Coffano ME et al, Effectiveness of the training program for workers at construction sites of the high-speed railway line between Torino and Novara: impact on injury rates, Am J Ind Med, 52(12), 2009, pp. 965-972.
- [7] Burke MJ, Sarpy SA, Smith-Crowe K et al, Relative Effectiveness of Worker Safety and Health Training Methods, Am J Public Health, 96(2), 2006, pp. 315-324.

